

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2021
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 351/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Tiến D, sinh năm: 1976; địa chỉ: đường L, tổ 4 ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1979; địa chỉ: đường L, tổ 4 ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Tiến D trình bày: Ông D và bà Nguyễn Thị Thu H chung sống và đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến 2013 cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống,

không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Ông D đã cố gắng để hàn gắn với bà H nhưng không hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Ông D nhận thấy không còn tình cảm gì với bà H nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung: Ông D và bà H có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Như Q, sinh ngày 05/10/2001 và Lê Anh Qu, sinh ngày 12/7/2003. Cháu Q đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Qu hiện đang ở với ông D nên ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Qu đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H:* Trong quá trình tố tụng bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh, bà Nguyễn Thị Thu H hiện nay có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: tổ 4 ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày, bà H vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Lê Tiến D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều

35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà H tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Sự mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà H là có thật, vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ buồn vui cùng nhau, không còn tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D.

[4] Về con chung: Có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Như Q, sinh ngày 05/10/2001 và Lê Anh Qu, sinh ngày 12/7/2003. Cháu Q đã trưởng thành (trên 18 tuổi) phát triển bình thường nên xem xét giải quyết, ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Qu đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Qu đang ở với ông D, do ông D chăm sóc và có nguyện vọng được ở với ba nên xem xét chấp nhận yêu cầu của ông D, giao cháu Qu cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông D không cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Lê Tiến D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tiến D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Như Q, sinh ngày 05/10/2001 và Lê Anh Qu, sinh ngày 12/7/2003. Cháu Q đã trưởng thành (trên 18 tuổi) phát triển bình thường, phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Lê Anh Qu, sinh ngày 12/7/2003 cho ông Lê Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Tiến D phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0002955 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/01/2021), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- THA thành phố Bà Rịa;
- Các đương sự;
- UBND phường Phước Hưng,
Tp Bà Rịa (số 41 ngày 02/8/2001);
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai